**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

--------------- 🙞❄🙜 ---------------



**BÁO CÁO MÔN HỌC: NHẬN DẠNG THỊ GIÁC VÀ ỨNG DỤNG**

**CÀI ĐẶT HỆ THỐNG TÌM KIẾM ẢNH**

*Giảng viên*:

**TS. LÊ ĐÌNH DUY**

**TS. NGUYỄN TẤN TRẦN MINH KHANG**

*Học viên thực hiện****:***

**TRẦN TRUNG ĐỨC – CH1601003**

***TP Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2017***

# LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến **TS. Lê Đình Duy** và **TS. Nguyễn Tấn Trần Minh Khang** vì những kiến thức quý báu mà các thầy truyền đạt cho chúng em trong suốt quá trình học tập môn **Nhận dạng thị giác và ứng dụng**, đó cũng chính là những nền tảng, tư liệu giúp em có thể hoàn thành đồ án này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Học viên

**Trần Trung Đức**

# MỤC LỤC

[LỜI CẢM ƠN 2](#_Toc500886866)

[MỤC LỤC 3](#_Toc500886867)

[1. Giới thiệu bài toán 1](#_Toc500886868)

[2. Phương pháp thực hiện 2](#_Toc500886869)

[2.1 Xây dựng vector đặc trưng cho ảnh trong corpus và ảnh truy vấn 2](#_Toc500886870)

[2.2 So sánh độ tương đồng và trả về kết quả 4](#_Toc500886871)

[3. Cài đặt và thử nghiệm 5](#_Toc500886872)

[3.1 Các công cụ và thư viện 5](#_Toc500886873)

[3.2 Các thành phần cài đặt chính 5](#_Toc500886874)

[3.3 Thử nghiệm 9](#_Toc500886875)

[4. Kết luận 10](#_Toc500886876)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 11](#_Toc500886877)

# 

# Giới thiệu bài toán

Hình ảnh là một đối tượng có thể chứa rất nhiều thông tin. Lượng thông tin mà một bức ảnh cung cấp có thể lớn hơn nhiều so với các văn bản cùng dung lượng. Vì vậy việc khai thác thông tin, dữ liệu từ ảnh ngày càng trở nên quan trọng. Ngày nay với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng internet, khối lượng ảnh số đã bùng nổ và trở nên vô cùng đồ sộ, kèm theo đó, việc giải quyết bài toán **tìm kiếm ảnh** đã trở thành nhu cầu thiết yếu.

Bài toán tìm kiếm ảnh có thể được mô tả như sau:

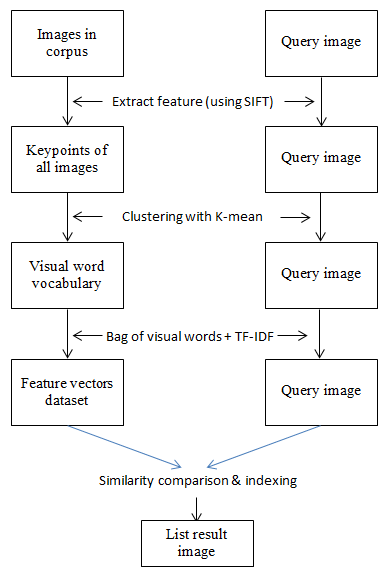
* **Tài nguyên (resource)**: cơ sở dữ liệu hình ảnh (corpus of images).
* **Input**: query có thể là keyword dạng text hoặc bức ảnh cần tìm.
* **Output**: danh sách các ảnh trong corpus có liên quan đến keyword hoặc gần giống nhất với ảnh input.

Phương pháp tìm kiếm ảnh mà sử dụng input là các text keyword được gọi là **Image meta search**. Phương pháp tìm kiếm dựa vào nội dung của bức ảnh input được gọi là **Content based image retrieval (CBIR)**. Đây là phương pháp mới hơn và thường được sử dụng trong các hệ thống tìm kiếm ảnh hiện đại.

Trong báo cáo này sẽ trình bày cách cài đặt một hệ thống tìm kiếm ảnh đơn giản dựa trên các phương pháp CBIR.

# Phương pháp thực hiện

Hệ thống tìm kiếm ảnh được cài đặt áp dụng Vector Space Model với mô hình tổng quát sau:



## Xây dựng vector đặc trưng cho ảnh trong corpus và ảnh truy vấn

**Xây dựng visual word vocabulary**:

* Trong computer vision, chúng ta thường định nghĩa kích cỡ các cửa sổ(window) rồi quét ảnh với các cửa sổ đó để tìm những đặc tính(feature) của ảnh. Sử dụng **SIFT** tính DoG (Difference of Gaussians) trên từng pixel bằng cách lấy diff của Gaussian Blur với 2 \sigma khác nhau. Sau khi tính được DoG của toàn ảnh, xét trên từng pixel so sánh với 8 neighbors và 9 pixels tương ứng của scale ảnh ngay trên và 9 pixels tương ứng ở scale dưới, nếu pixel đó là local extrema (lớn nhất) thì nó sẽ được coi như là 1 keypoint ở scale đó.
* SIFT sẽ tính Keypoint descriptor bằng cách lấy 16x16 neighborhood(điểm liền kề) của keypoint đó, rồi chia thành 16 sub-blocks với kích thước 4x4. Với mỗi sub-block, ta sẽ tạo được 8 bin oritation (như hình dưới). Do đó tất cả sẽ có 128 bin giá trị tương ứng với 1 vector biểu hiện cho keypoint descriptor.
* Từ tập tất cả các keypoint descriptors của tất cả các ảnh (là các vector trong không gian 128 chiều), ta tiến hành gom cụm để thu được k cụm (với k là số lượng từ trong visual word vocabulary – do người cài đặt tự quy định). Tâm của mỗi cụm trong k cụm sẽ đại diện cho một visual word.

**Biến đổi ảnh về dạng vector trong Vector space model**:

* Thể hiện một ảnh dưới dạng tập hợp các visual word: sử dụng khái niệm bag of visual word, là một histogram thể hiện cho số lần xuất hiện của các visual word trong ảnh.

Ví dụ giả sử xây dựng visual vocabulary với số từ vựng k = 5. Sau khi thực hiện đếm số lần xuất hiện của các visual word trong ảnh I cho một ảnh X, ta thu được vector như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| vw1 | vw2 | vw3 | vw4 | vw5 |
| 7 | 5 | 9 | 3 | 0 |

Vector V(7, 5, 9, 3, 0) sẽ đại diện cho hình ảnh I.

* Áp dụng phương pháp đánh trọng số TF-IDF weighting để cập nhật giá trị cho các feature vector đại diện cho các ảnh:
* Sau bước trên mỗi ảnh sẽ là một vector **V (t1, t2, t3, ... , tk)** với số chiều k = số lượng từ vựng.
* Giá trị ti được cập nhật lại theo công thức TF-IDF weighting như sau: **ti =**

trong đó ti là giá trị tại chiều thứ i (tại vị trí visual word thứ i trong tập visual vocabulary) của feature vector đại diện cho ảnh.

* *nid: số lần xuất hiện của visual word thứ i trong ảnh*
* *nd: tổng số visual words trong ảnh*
* *N: là tổng số ảnh trong CSDL*
* *ni: số ảnh trong CSDL có chứa visual word thứ i*

***Kết quả của toàn bộ quá trình này là một vector đặc trưng đại diện cho ảnh truy vấn và một CSDL chứa thông tin về toàn bộ các vector đặc trưng của tất cả các ảnh trong CSDL.***

## So sánh độ tương đồng và trả về kết quả

Với mô hình **Vector Space Model**, việc tìm kiếm được ảnh tương tự với ảnh truy vấn được hiện thực bằng các tìm các vector đại diện cho các ảnh trong CSDL sao cho các vector này tương đồng với vector đặc trưng của ảnh truy vấn. Độ đo tương đồng giữa 2 vector được sử dụng ở đây là là độ Cosin:

**cos (q, v) = q.v/ |q|\*|v|**

trong đó q là vector đặc trưng của ảnh truy vấn; v là vector đặc trưng cho 1 ảnh trong CSDL. Khi giá trị cos (q, v) càng gần giá trị 1 thì độ tương đồng càng cao, nghĩa là ảnh có vector đặc trưng v càng giống với ảnh truy vấn.

Lần lượt tính độ tương đồng cosin của vector q với tất cả các vector đặc trưng của các ảnh trong CSDL, sau đó sắp xếp các kết quả giảm dần theo độ tương đồng cosin 🡪 ta thu được danh sách các ảnh giống với ảnh truy vấn (theo mức độ giống nhau giảm dần). Cuối cùng, hiển thị danh sách ảnh kết quả cho người dùng.

# Cài đặt và thử nghiệm

## Các công cụ và thư viện

**Matlab**

Lý do lựa chọn:

* Dễ triển khai một ứng dụng đơn giản.
* Nhiều công cụ xử lí ảnh và máy học được tích hợp sẵn trong các toolbox

**Thư viện VLFeat**

Lý do lựa chọn:

* Chứa các hàm cài đạt sẵn các thuật toán rút trích đặc trưng như SIFT, HOGF, .. và các thuật toán machine learning như k-mean, svm, …
* Sử dụng được trên nhiều nền tảng (Windows, Mac OS, Linux).
* Miến phí.

## Các thành phần cài đặt chính

### Xây dựng Retrieval Engine

Trong Matlab, ta xây dựng lớp **ImageRetrievalEngine** *(file matlab: ImageRetrievalEngine.m)* bao gồm tất cả các phương thức cần thiết cho việc truy vấn và lấy về danh sách các ảnh kết quả.

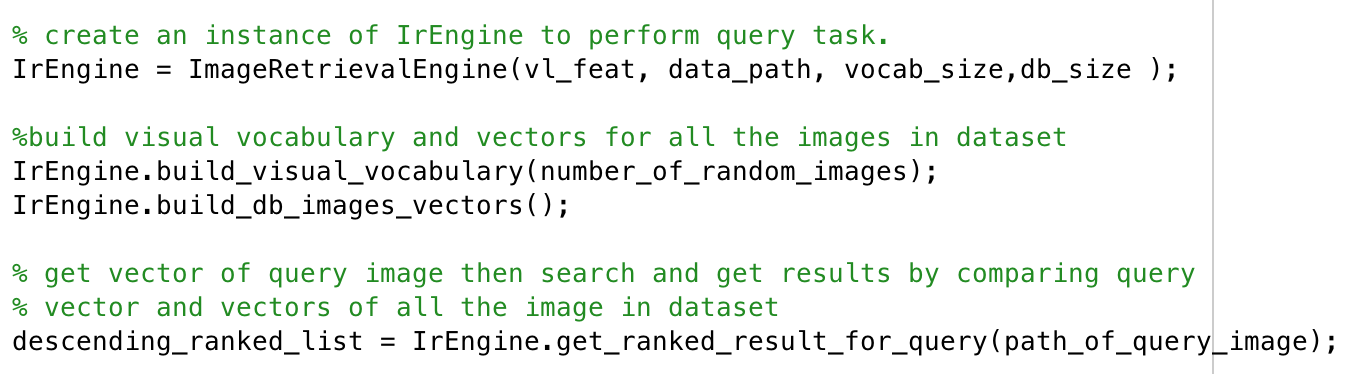
*Các thuộc tính:*

* **data\_path**: đường dẫn tới Oxford Building Dataset.
* **vl\_feat\_toolbox**: đường dẫn tới file vl\_setup.m của VLFeat library.
* **vocab\_size**: số lượng từ trong bộ từ vựng (tương ứng với giá trị k cụm khi tiến hành gom cụm các SIFT descriptors của các ảnh trong CSDL)
* **db\_size**: số lượng ảnh trong CSDL.

*Các phương thức chính:*

* function build\_visual\_vocabulary(obj, number\_of\_random\_images)
* function build\_db\_images\_vectors(obj)
* function descending\_ranked\_list = get\_ranked\_result\_for\_query (obj, path\_of\_query\_image)

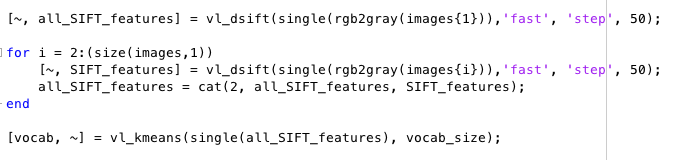
Chi tiết cài đặt các hàm sẽ được mô tả ở mục kế tiếp. Để truy vấn rất đơn giản ta chỉ cần tạo ra một đối tượng của lớp **ImageRetrievalEngine** (với các tham số để khởi tạo các thuộc tính) sau đó gọi các phương thức cần thiết. Ví dụ:



### Chi tiết cài đặt của các hàm trong lớp ImageRetrievalEngine

* function build\_visual\_vocabulary: Hàm này giúp tạo ra bộ visual vocabulary.

Do bộ dataset lớn nên việc dùng toàn bộ ảnh để tạo ra bộ visual vocabulary rất tốn thời gian, do đó ta chỉ sử dụng một tập con các ảnh ngẫu nhiên trên tổng số ảnh của dataset để thực hiện công việc này *(số lượng ảnh ngẫu nhiên trong dataset dùng để xây dựng bộ visual vocabulary trong cài đặt thực tế của đề tài là 750)*

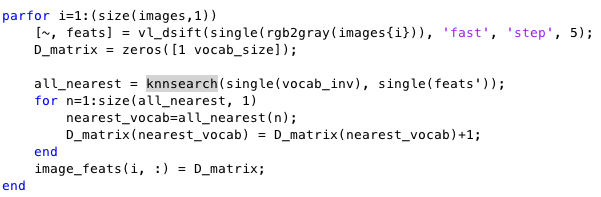


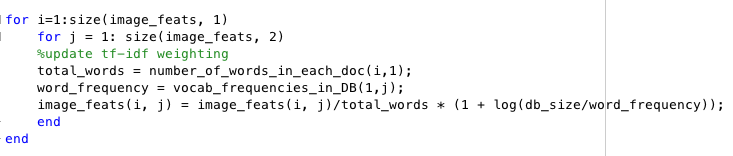
Với mỗi ảnh đầu vào, tính được SIFT descriptors với hàm vl\_dsift của thư viện VLFeat. Tiến hành gom tất cả những SIFT descriptors thành k cụm (*k = vocab\_size = số lượng từ trọng visual vocabulary; trong code cài đặt tác giả sử dụng giá trị vocab\_size = 700*) thu được sử dụng hàm vl\_kmeans của thư viện VLFeat.

Biến **vocab** thu được là một matrix chứa thông tin về các vector, mỗi vector là tâm của 1 cụm (ở bước gom cụm phía trên) đại diện cho 1 visual word. Ta tiến hành lưu biến **vocab** này lại thành tập tin với hàm **save** của matlab để không phải xây dựng visual vocabulary sau này.

* function build\_db\_images\_vectors:

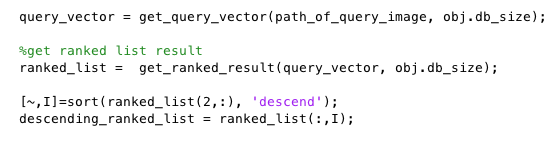
Hàm này giúp tạo ra CSDL mới gồm tập hợp các vector đặc trưng cho các ảnh trong CSDL hình ảnh ban đầu. Hàm nhận tập hợp tất cả các đường dẫn của các ảnh trong CSDL. Với mỗi ảnh trong CSDL sử dụng hàm vl\_shift của thư viện VLFeat để tính ra các SIFT descriptors. Với mỗi SIFT descriptor thu được, tiến hành xác định xem nó thuộc về visual vocabulary nào (sử dụng hàm knnsearch - K nearest neighbors của Matlab) 🡺 thu được bag of visual words 🡪 tiến hành cập nhật trọng số cho vector theo TF-IDF weighting.



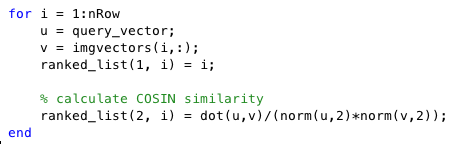


Biến imgvectors thu được là một matrix chứa thông tin về các vector đặc trưng đại diện cho các ảnh trong CSDL. Ta tiến hành lưu biến imgvectors này lại thành tập tin với hàm save của matlab để không phải tính lại sau này.

* function descending\_ranked\_list = get\_ranked\_result\_for\_query



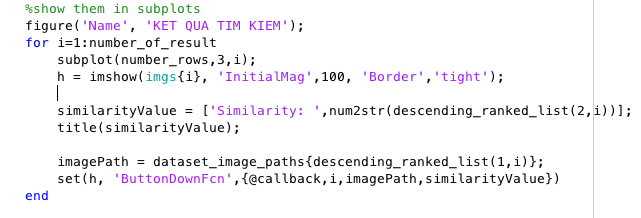
Hàm này nhận vào tham số là đường dẫn của ảnh truy vấn, đầu tiên vector đặc trưng cho ảnh này được tính. Các thức tính hoàn toàn tương tự như việc tính vector đặc trưng của các ảnh trong CSDL như trong hàm **build\_db\_images\_vectors.** Sau đó, tiến hình tính độ tương đồng cosin của query vector và các vector đại diện của các ảnh trong CSDL cho về danh sách các ảnh phù hợp sau đó sắp xếp danh sách này theo độ tương đồng giảm dần.

****

Tính vô hướng của 2 vector và độ dài của vector lần lượt tính bằng hàm dot() và hàm norm được cung cấp sẵn bởi Matlab.

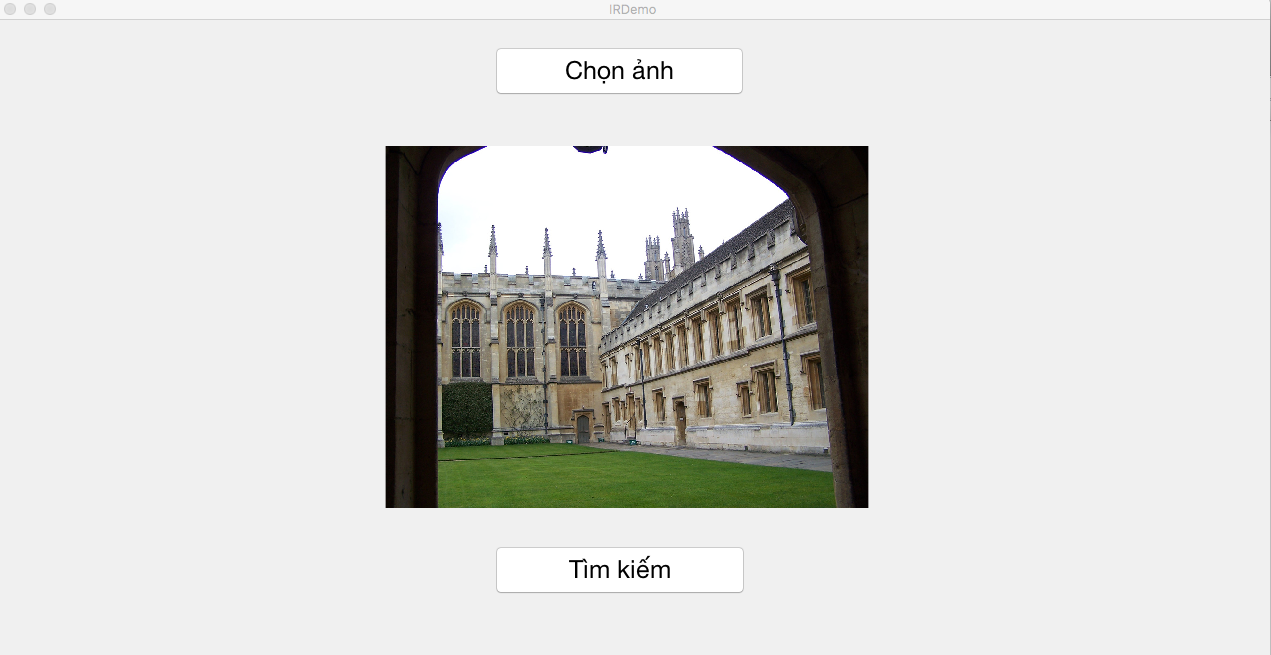
### Hiển thị ảnh kết quả

Hàm function *displayResult(dataset\_image\_paths, descending\_ranked\_list )* được cài đặt để hiển thị kết quả trả về. Hàm này nhận vào một matrix descending\_ranked\_list có kích thước 2 x L (với L là số ảnh mong muốn hiển thị). Vì lý do kỹ thuật ở đây, chương trình cài đặt chỉ hiển thị 10 ảnh giống nhất với ảnh truy vấn, ứng với L = 10. Với mỗi cột thứ i, descending\_ranked\_list (1, i) là giá trị thể hiện vị trí của ảnh kết quả trong CSDL (ảnh thứ mấy trong CSDL) và descending\_ranked\_list (2, i) thể hiện độ tương đồng của ảnh đó với ảnh truy vấn. Ta sử dụng hàm imgshow và suplot của matlab để hiển thị các ảnh giống nhất với ảnh truy vấn:

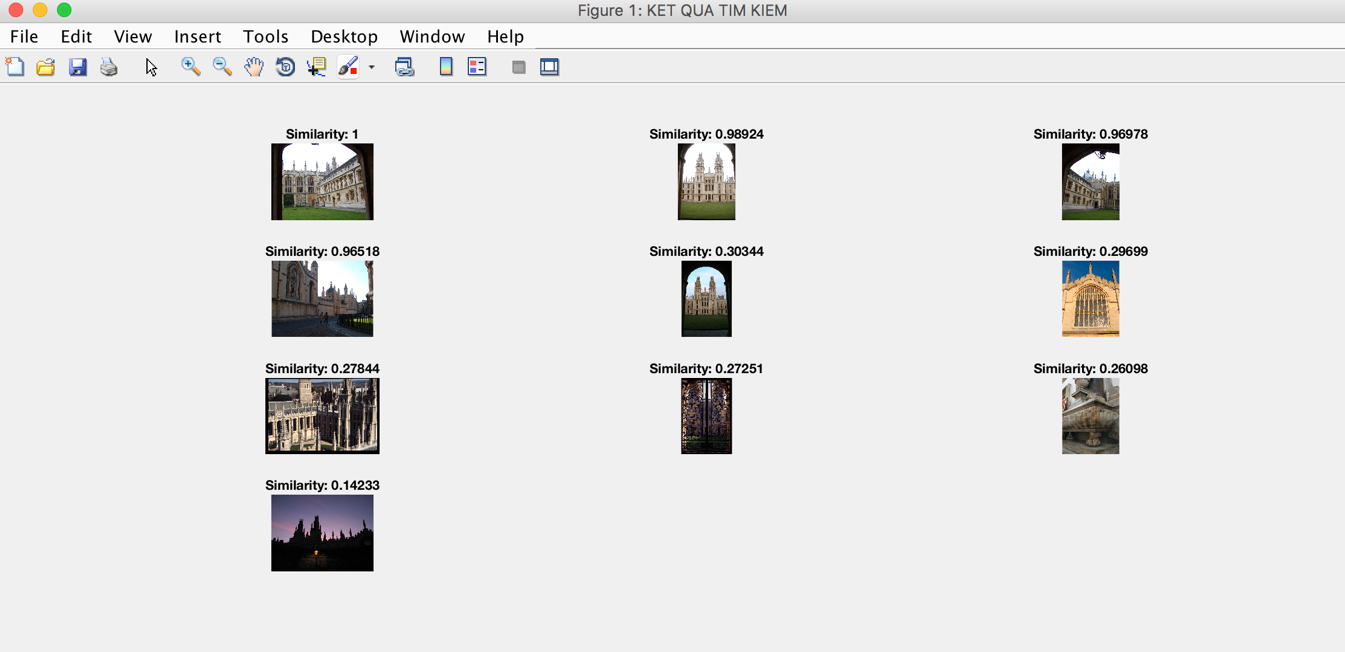


## Thử nghiệm

Ứng dụng demo được xây dựng sử dụng Matlab GUI. Giao diện để input ảnh truy vấn như sau:



Giao diện danh sách 10 ảnh kết quả:



# Kết luận

**Kết quả đạt được:**

* Hiểu rõ cơ chế hoạt động của hệ thống Content Based Image Retrieval (CBIR); kỹ thuật TF-IDF weighting và mô hình Vector Space Model (VSM) trong truy vấn thông tin.
* Cài đặt được một ứng dụng truy vấn hình ảnh đơn giản (áp dụng CBIR, VSM và TF-IDF weighting) trả về danh sách ảnh kết quả với độ tương đồng so với ảnh truy vấn; cài đặt ứng dụng sử dụng Matlab và thư viện VLFeat.

**Hạn chế và hướng phát triển:**

* Ứng dụng demo muốn chạy phải cài đặt Matlab, VLFeat; chưa phải là một sản phẩm có thể chạy riêng biệt 🡺 cần nghiên cứu việc export code Matlab ra file .dll hoặc .jar để xây dựng ứng dụng mang tính thực tế.
* Chưa tối ưu hoá việc truy vấn dựa vào kỹ thuật Inverted Index Files 🡺 cần áp dụng kỹ thuật này vào để tăng tốc quá trình truy vấn và lấy về kết quả.

Chưa tiến hành đánh giá, so sánh kết quả của hệ thống đã cài đặt với các hệ thống truy vấn ảnh khác 🡺 cần phải có thống kê, đánh giá về vấn đề này.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ts. Ngô Đức Thành, Ts. Nguyễn Tấn Trần Minh Khang, slide môn học *Nhận dạng thị giác và ứng dụng,* 2017.
2. Matlab, <https://www.mathworks.com/products/matlab.html>.
3. Thư viện vlfeat, <http://www.vlfeat.org>.
4. Bộ dữ liệu Oxford Building (5K), <http://www.robots.ox.ac.uk/~vgg/data/oxbuildings>.
5. Instance search project, <https://github.com/nvtiep/Instance-Search>.
6. CBIR project, <https://sites.google.com/site/cbirpro/home>.